

Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU -  
CHI 6 THÁNG NĂM 2024**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tổng số thu được để lại</b>	<b>7.006,00</b>	
<b>I</b>	<b>Thu hoạt động thường xuyên</b>	<b>3.711,00</b>	
	- Thu tiền: Bến bãi; Thu tiền các PT vận tải, hàng rong, MB và khác; Thu tiền cho thuê nhà kho; Thu tiền Khu DV công nhân CCN Trung An (Kiot); Thu tiền cây nước, xe đậu, bến bãi; Thu tiền QLĐH CCN.	3.711,00	
<b>II</b>	<b>Thu hoạt động xử lý nước thải KCN Mỹ Tho</b>	<b>3.295,00</b>	
<b>III</b>	<b>Các khoản nộp vào Ngân sách Nhà nước</b>	<b>2.184,00</b>	
	- Nộp tiền, khấu hao HT, bến bãi; Nộp tiền thuê đất KCN, CCN, GTGT	2.184,00	
<b>IV</b>	<b>Chi HĐ thường xuyên và HĐ xử lý nước thải KCN</b>	<b>5.164,00</b>	
<b>1</b>	<b>Chi cho người lao động</b>	<b>2.241,01</b>	
	- Tiền lương, phụ cấp lương	726,18	
	- Tiền công	778,80	
	- Mục 6100: Phụ cấp lương	223,75	
	- Các khoản đóng góp	367,42	
	- Mục 6400: Các khoản TT khác (Tiền ăn)	144,86	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>1.099,93</b>	
	- <b>Thanh toán DV công cộng</b>	<b>593,20</b>	
	+ Thanh toán tiền điện	559,04	
	+ Thanh toán tiền nước	14,55	
	+ Thanh toán tiền nhiên liệu	19,61	
	- <b>Văn phòng phẩm</b>	<b>43,58</b>	
	+ Văn phòng phẩm	25,03	
	+ Công cụ dụng cụ (gồm PB CCDC dưới 10 triệu)	3,86	
	+ Vật tư văn phòng khác	14,69	
	- <b>Thông tin liên lạc</b>	<b>64,69</b>	
	+ Cước điện thoại trong nước	6,76	
	+ Cước phí bưu chính	0,72	
	+ Khoản điện thoại	46,98	
	+ Dịch vụ internet	10,24	
	- <b>Mục 6700: Công tác phí</b>	<b>86,60</b>	
	+ Mục 6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe	4,10	
	+ Mục 6702: Phụ cấp công tác phí	40,10	
	+ Mục 6703: Thuê phòng nghỉ	5,40	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	+ Mục 6704: Khoán công tác phí	37,00	
	- SC thường xuyên văn phòng Cty, SC nhỏ máy móc thiết bị NMXLNT	<b>311,86</b>	
	+ Sửa chữa xe ô tô	11,39	
	+ Các thiết bị công nghệ thông tin	24,11	
	+ Tài sản và thiết bị văn phòng	3,00	
	+ Đường điện, cấp thoát nước	48,79	
	+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	224,57	
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>555,67</b>	
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	<b>227,56</b>	
	+ Đồng phục, trang phục, bảo hộ LĐ	227,56	
	+ Chi phí chuyên môn khác	<b>328,11</b>	
	<i>Chi tiền hoá chất, nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, tiền thu gom vận chuyển rác thải, chi chuyên môn khác...</i>	328,11	
<b>4</b>	<b>Chi khác</b>	<b>210,17</b>	
	- Chi khác	<b>200,45</b>	
	+ Phí và lệ phí	43,26	
	+ Chi tiếp khách	136,87	
	+ Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	20,32	
	- Mục 7850: Chi cho công tác đăng tổ chức đăng cơ sở	<b>9,72</b>	
	+ Mục 7899: Khác	9,72	
<b>5</b>	<b>Chi tạm nộp thuế TNDN</b>	<b>475,80</b>	
<b>6</b>	<b>Chi trích khấu hao TSCĐ</b>	<b>581,41</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>51,23</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>51,23</b>	
	- Chi hoạt động kinh tế	<b>51,23</b>	
	+ Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	+ Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	51,23	
	+ Tiền điện chiếu sáng KCN Mỹ Tho	25,30	
	+ Tiền xăng phục vụ dọn vệ sinh, tuần tra KCN Mỹ Tho	15,63	
	+ Tiền mua thuốc xịt cỏ phục vụ KCN Mỹ Tho	4,95	
	+ Phân tích mẫu nước thải quý 1 KCN Mỹ Tho	5,35	

Ngày 15 tháng 07 năm 2024

Lập biểu



Nguyễn Diễm Phúc

Kế toán trưởng



Võ Văn Dũng

Giám đốc



Nguyễn Thanh Vũ

Đơn vị: Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang

Chương: 505

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Tiền Giang công khai tình hình thực hiện dự toán thu- chi ngân sách 6 tháng năm 2024 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 6 tháng năm 2024	Thực hiện 6 tháng năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, thu khác</b>	<b>13.345</b>	<b>7.006</b>	<b>52,50%</b>	<b>107,65%</b>
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ	13.345	7.006	52,50%	107,65%
	Thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ ( <i>Cho thuê bến bãi, nhà kho, Kí ốt, xử lý nước thải, xe ra vào KCN, CCN, cửa hàng dịch vụ, dịch vụ cung cấp nước sạch</i> )	13.345	7.006	52,50%	107,65%
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>11.978</b>	<b>5.164</b>	<b>43,23%</b>	<b>124,37%</b>
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí	0	0	0	
1.1	<i>Chi sự nghiệp kinh tế khác</i>	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	<i>Chi quản lý hành chính</i>	0	0	0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	<i>Chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ</i>	11.945	5.164	43,23%	124,37%
2.1	<i>Chi sự nghiệp kinh tế khác</i>	11.945	5.164	43,23%	124,37%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.945	5.164	43,23%	124,37%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	<b>Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ</b>				
<b>III</b>	<b>Số nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>8.574</b>	<b>3.101</b>	<b>36,16%</b>	<b>65,48%</b>
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ (đất, hạ tầng, thuế GTGT)	8.574	3.101	36,16%	65,48%
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.319</b>	<b>51,23</b>	<b>3,88%</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>1.319</b>	<b>51,23</b>	<b>3,88%</b>	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện 6 tháng năm 2024	Thực hiện 6 tháng năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Thực hiện 6 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế	1.319	51,23	3,88%	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tiền Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Giám đốc



Nguyễn Thanh Vũ